

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HUNG
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:14/2019/DS- ST
Ngày 12/ 11/2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín
dụng.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HUNG, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Kiên Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Là.
2. Bà Nguyễn Thị Vĩnh.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tiến Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng.

Đại diện VKSND huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Huế-
Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2019/TLST- DS ngày 13/6/2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXX-ST ngày 11 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2019/QĐST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2019; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đông Á;

Địa chỉ trụ sở: Số 130, Phan Đăng L, Phường 3, quận Phú Nh, thành phố Hồ Chí M.

Đại diện theo pháp luật: Ông Võ Minh T - Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đông Á.

Đại diện theo ủy quyền thứ nhất: Ông Nguyễn Thanh T – Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Đông Á.

(Văn bản ủy quyền số 122/QĐ-DAB-HĐQT ngày 27 tháng 4 năm 2016 của ông Võ Minh T cho ông Nguyễn Thanh T)

Đại diện theo ủy quyền thứ hai: Ông Trần Văn Gi - Giám đốc Ngân hàng TMCP Đông Á, chi nhánh Thái Bình, phòng giao dịch huyện Đông Hưng.

(Văn bản ủy quyền số 636/QĐ-DAB-PC ngày 22 tháng 5 năm 2018 của ông Nguyễn Thanh T cho ông Trần Văn Gi)

Đại diện theo ủy quyền thứ ba: Bà Trần Thị Thanh Th- Nhân viên KHCN Phòng giao dịch Đông Hưng.

(Văn bản ủy quyền số 02/QĐ-DAB-DHG1 ngày 14 tháng 3 năm 2019 của ông Trần Văn Gi cho bà Trần Thị Thanh Th)

2. Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Thôn Xuân Th, xã Đông C, huyện Đông H, tỉnh Thái Bình.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Đỗ Quý Ch, sinh năm 1958 (Là chồng bà T);

Địa chỉ: Thôn Xuân Th, xã Đông C, huyện Đông H, tỉnh Thái Bình.

(Bà Trần Thị Thanh Th xin vắng mặt. Bà T và ông Ch vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án; người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á trình bày:**

Ngày 08/6/2016, Ngân hàng TMCP Đông Á- Chi nhánh Thái Bình, phòng giao dịch Đông Hưng, cho bà Lê Thị T vay số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng); thời hạn vay là 12 tháng (từ ngày 08/6/2016 đến ngày 08/6/2017) với lãi suất 9%/năm (lãi suất trên dư nợ ban đầu) theo hình thức trả góp; gốc và lãi chia đều trả hàng tháng là 1.820.000 đồng, tháng cuối trả 1.780.000 đồng (theo bảng dự tính RULE 78). Việc vay vốn dưới hình thức tín chấp thông qua Hội phụ nữ xã Đông C và ông Đỗ Quý Ch là chồng bà T ký là người bảo lãnh khoản vay. Theo thỏa thuận liên kết giữa Ngân hàng và Hội phụ nữ xã Đông C và UBND xã Đông C thì hàng tháng Hội phụ nữ xã Đông C đứng ra thu tiền của các hội viên Hội phụ nữ xã (trong đó có bà T) cho Ngân hàng. Sau khi bà T làm thủ tục vay vốn, ký giấy đăng ký vay tiền trả góp kiêm khế ước nhận nợ, Ngân hàng đã thực hiện cho bà T nhận nợ theo hình thức báo có theo số tài khoản số 0110187653 của bà T mở tại Ngân hàng Đông Á (bà T nhận tiền vào ngày 08/6/2016).

Sau khi vay vốn của Ngân hàng tính đến ngày 17/5/2017, thì bà T mới trả được cho Ngân hàng 09 kỳ với tổng số tiền là 16.380.000 đồng (tiền gốc là 14.718.462 đồng, tiền lãi là 1.661.538 đồng); bà T trả tiền thông qua Hội phụ nữ xã Đông C và Hội phụ nữ xã Đông C nộp tiền cho Ngân hàng Đông Á. Ngân hàng Đông Á cùng Hội phụ nữ xã và UBND xã Đông C nhiều lần đôn đốc nhưng bà T vẫn chây ì, không trả nốt số tiền còn thiếu, vi phạm nghiêm trọng cam kết khi vay vốn; do đó, từ ngày 18/6/2018, Ngân hàng Đông Á đã chuyển toàn bộ số tiền còn nợ sang nhóm nợ xấu cao nhất với mức lãi suất bằng 1.5 lần lãi suất trong hạn.

Tính đến ngày 12/11/2019, bà Lê Thị T còn nợ Ngân hàng Đông Á tổng số tiền: 7.169.603 đồng; trong đó nợ gốc là 5.281.538 đồng; lãi trong hạn 138.462 đồng; lãi quá hạn: 1.749.603 đồng. Ngân hàng yêu cầu bà T phải trả ngay số tiền trên cho Ngân hàng Đông Á và các khoản lãi phát sinh cho đến khi thực trả hết nợ

cho Ngân hàng. Nếu bà T không trả nợ thì buộc ông Đỗ Quý Ch là chồng bà T (người bảo lãnh cho bà T) phải trả nợ thay.

Ngân hàng xác định chỉ cho bà Lê Thị T vay tiền, không liên quan gì đến vợ chồng ông Đỗ Đại Q, bà Trần Thị Ch.

*** *Tại biên bản ghi lời khai ngày 28/8/2019 bà Lê Thị T và ông Đỗ Quý Ch đều trình bày:*** Vợ chồng bà T, ông Ch đã nhận được thông báo thụ lý vụ án số 16/2019/TLST-DS ngày 13/6/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng và giấy triệu tập của Tòa án, triệu tập vợ chồng ông bà đến Tòa án để giải quyết việc Ngân hàng Đông Á khởi kiện đòi nợ vợ chồng ông bà, nhưng do công việc bận mải nên vợ chồng ông bà không đến Tòa để làm việc được.

Bà T và ông Ch thừa nhận ngày 08/6/2016, bà T có vay của Ngân hàng TMCP Đông Á- Chi nhánh Thái Bình, Phòng giao dịch huyện Đông Hưng số tiền là 20.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng dưới hình thức là vay trả góp, lãi suất là 9%/ năm, vay dưới hình thức tín chấp qua Hội phụ nữ xã Đông C; ông Ch (chồng bà T) là người đứng ra bảo lãnh khoản tiền vay. Thực tế bà T có vay vốn của Ngân hàng, tuy nhiên bà vay với mục đích vay hộ cho ông Đỗ Đại Q (có vợ là Trần Thị Ch), ở thôn Xuân Thọ, xã Đông C, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình. Sau khi nhận tiền từ Ngân hàng, bà T đã chuyển ngay toàn bộ số tiền vay cho ông Q. Số tiền gốc và lãi phải trả cho Ngân hàng hàng tháng do ông Q trực tiếp trả, bà không trực tiếp trả nợ nên bà không biết đã trả được nợ cho Ngân hàng số tiền là bao nhiêu, chỉ thấy vài lần Ngân hàng đến đòi nói bà T còn nợ Ngân hàng hơn 6.000.000 đồng. Giữa bà T với ông Q chỉ có thỏa thuận miệng với nhau về việc bà T vay tiền của Ngân hàng hộ cho ông Q.

Ngân hàng khởi kiện đòi nợ; bà T và ông Ch có ý kiến: Ngân hàng thu được hết nợ của ông Q là tốt nhất. Trong trường hợp Ngân hàng không thu được nợ của ông Q thì vợ chồng bà T và ông Ch sẽ có trách nhiệm đối với khoản nợ còn thiếu của Ngân hàng.

Vợ chồng bà T, ông Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết việc vay nợ giữa ông Quyết với vợ chồng bà T, ông Ch trong vụ án này.

*** *Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:***

Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án:

- Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn bà Lê Thị T có nơi cư trú tại thôn Xuân Th, xã Đông C, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình; vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng đã tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần 1 và lần 2 cho bà Lê Thị T và ông Đỗ Quý Ch, nhưng cả hai lần bà T và ông Ch đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử.

[1.3] Bị đơn bà Lê Thị T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Quý Ch đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà T và ông Ch.

[1.4] Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Trần Thị Thanh Th – Nhân viên KHCN phòng giao dịch huyện Đông Hưng có đơn xin được vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Th.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Về việc yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ số tiền 7.169.603 đồng; trong đó nợ gốc là 5.281.538 đồng; lãi trong hạn 138.462 đồng; lãi quá hạn (tính đến ngày 12/11/2019): 1.749.603 đồng, đồng thời yêu cầu bị đơn tiếp tục trả lãi theo mức lãi nợ quá hạn gấp 1,5 lần mức lãi đã thỏa thuận theo hợp đồng cho đến khi hoàn thành việc trả nợ; Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á là bà Trần Thị Thanh Thủy khai: Ngày 08/6/2016 bà T có vay vốn tại Ngân hàng Đông Á, chi nhánh Thái Bình, phòng giao dịch huyện Đông Hưng số tiền 20.000.000 đồng và Đỗ Quý Ch là người ký bảo lãnh khoản vay trên. Bà Lê Thị T và ông Đỗ Quý Ch đều thừa nhận lời khai này của bà Th. Theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh.

Xét việc thỏa thuận của các đương sự khi giao kết hợp đồng thể hiện trong các văn bản gồm: Giấy đăng ký vay tiền trả góp kèm khế ước nhận nợ; Danh sách cho vay giải ngân qua tài khoản thẻ; Sao kê chi tiết phát sinh tên chủ tài khoản Lê Thị T và bảng dự tính RULE78 là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, khi thỏa thuận các bên đương sự đều là những người đủ năng lực trách nhiệm dân sự; Theo thỏa thuận đến ngày 08/6/2017 bà T

phải hoàn thành việc trả nợ cả gốc và lãi cho Ngân hàng. Tuy nhiên bà T đã không trả nợ cho Ngân hàng như đã cam kết.

Bà T giao kết hợp đồng vay Ngân hàng Đông Á số tiền 20.000.000 đồng, bà đã trả được số tiền gốc là 14.718.462 đồng, tiền lãi là 1.661.538 đồng. Do vậy tính đến ngày 12/11/2019 bà T còn nợ Ngân hàng Đông Á số tiền là: nợ gốc là 5.281.538 đồng, lãi trong hạn 138.462 đồng, lãi quá hạn (tính đến ngày 12/11/2019) là 1.749.603 đồng; tổng số tiền 7.169.603 đồng. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà T phải trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết là có căn cứ chấp nhận. Do ông Ch là người ký bảo lãnh khoản nợ trên nên trường hợp bà T không trả được nợ cho Ngân hàng thì ông Ch phải có trách nhiệm trả nợ thay cho bà T.

[2.2] Bà T là người trực tiếp làm thủ tục vay vốn của Ngân hàng, là người mở tài khoản thẻ tại Ngân hàng và rút khoản tiền mà Ngân hàng Đông Á cho vay qua tài khoản thẻ của bà T nên chỉ phát sinh nghĩa vụ trả nợ của vợ chồng bà T với Ngân hàng, không liên quan gì đến ông Quyết.

Vợ chồng bà T, ông Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết việc vay nợ giữa vợ chồng bà T, ông Ch với ông Quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí.

Bà T phải chịu 5% án phí dân sự đối với số tiền phải trả nợ cho Ngân hàng là: 7.169.603 đồng x 5% = 358.000 đồng (số làm tròn).

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 117, 463, 466, 468, 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 26, 35, 39, 147, 271, 273, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết 236/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Á.

2. Buộc bà Lê Thị T, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn Xuân Th, xã Đông C, huyện Đông H, tỉnh Thái Bình phải trả Ngân hàng Đông Á tổng số tiền 7.169.603 đồng (Bảy triệu một trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm linh ba đồng); trong đó nợ gốc là 5.281.538 đồng; lãi trong hạn 138.462 đồng; lãi quá hạn (tính đến ngày 12/11/2019) là 1.749.603 đồng.

Trường hợp bà Lê Thị T không trả được nợ cho Ngân hàng thì người bảo lãnh là ông Đỗ Quý Ch, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn Xuân Thọ, xã Đông C,

huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình (là chồng bà T) phải có trách nhiệm trả nợ thay cho bà T.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm, bà Lê Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kì của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Lê Thị T vay phải tiếp tục thanh Toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

3. Về án phí: Ngân hàng Đông Á không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả Ngân hàng Đông Á số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà Ngân hàng Đông Á nộp tại biên lai thu số 0008043 ngày 13/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hưng.

Bà Lê Thị T phải chịu 358.000 đồng (Ba trăm năm mươi T nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Đông Hưng;
- Chi cục THA DS huyện Đông Hưng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Kiên Trung

